

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn  
năm 2020 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thú y ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y;

Căn cứ Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh;

Căn cứ Quyết định số 1442/QĐ-TTg ngày 23/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 719/QĐ-TTg ngày 05/6/2008 về chính sách hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm;

Căn cứ Quyết định số 193/QĐ-TTg ngày 13/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Quốc gia khống chế và tiến tới loại trừ bệnh Đại giai đoạn 2017-2021;

Căn cứ Quyết định số 476/QĐ-BNN-TY ngày 17/02/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Chương trình quốc gia phòng, chống bệnh lở mồm long móng giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính về việc quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật;

Căn cứ Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 294/TTr-SNN ngày 20 tháng 12 năm 2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2020.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Y tế, Công Thương; Giám đốc Công an tỉnh; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh; Chi cục trưởng Chi cục Hải quan các cửa khẩu: Đắc Peur, Bu Prăng; Chủ tịch UBND cấp huyện và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /my

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CTTĐT, KTKH, KTN(L).

6

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trương Thanh Tùng**



*Đắk Nông, ngày tháng 01 năm 2020*

## **KẾ HOẠCH**

### **Phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn năm 2020 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 79 /QĐ-UBND ngày 15/01/2020  
của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)*

#### **A. MỤC TIÊU**

Chủ động thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng, chống nhằm ngăn chặn dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh. Khi dịch bệnh xảy ra nhanh chóng dập tắt các ổ dịch, không để lây lan ra diện rộng và thực hiện các giải pháp nhằm giảm thiểu thiệt hại cho người chăn nuôi, giúp đàn vật nuôi phát triển ổn định.

#### **B. NỘI DUNG**

##### **I. CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG BỆNH**

###### **1. Công tác tuyên truyền**

Tổ chức tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng trên các phương tiện thông tin đại chúng đến mọi tầng lớp nhân dân để nâng cao hiểu biết của người dân về các loại dịch bệnh của gia súc, gia cầm; dấu hiệu để phát hiện dịch bệnh; biện pháp an toàn khi tiếp xúc với gia súc, gia cầm để người dân tự bảo vệ bản thân, bảo vệ cộng đồng; các quy định về phòng, chống dịch bệnh để người dân biết và khai báo kịp thời cho cơ quan thú y và chính quyền địa phương khi phát hiện động vật mắc bệnh.

###### **2. Công tác giám sát dịch bệnh**

- Duy trì đường dây điện thoại nóng tại Chi cục Phát triển nông nghiệp, phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện, Phòng Kinh tế thị xã Gia Nghĩa, Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp các huyện, thành phố để tiếp nhận thông tin dịch bệnh kịp thời, đồng thời, cử cán bộ giám sát địa bàn thường xuyên xuống cơ sở để phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức giám sát dịch bệnh đến từng hộ, cơ sở chăn nuôi nhằm phát hiện sớm và xử lý kịp thời khi có dịch bệnh xảy ra, không để dịch bệnh lây lan ra diện rộng, giảm thiểu thiệt hại kinh tế cho người chăn nuôi.

- Chủ động lấy mẫu xét nghiệm để xác định các mầm bệnh nguy hiểm như cúm gia cầm, lở mồm long móng gia súc ... có thể tồn tại trong môi trường, nhất là những ổ dịch cũ, nơi có nguy cơ cao hoặc lấy mẫu đột xuất tại những khu vực có nguy cơ cao, đàn vật nuôi mới đưa vào địa bàn, từ đó có biện pháp phòng, ngăn chặn không để dịch bùng phát, lây lan.

- Khi phát hiện động vật mắc bệnh, chết thì tiến hành lấy mẫu để chẩn đoán dịch bệnh theo đúng quy định để thực hiện kịp thời các biện pháp chống dịch, nhằm ngăn chặn dịch bệnh lây lan.

- Hướng dẫn các cơ sở chăn nuôi gia súc giống, gia cầm giống và bò sữa thực hiện giám sát định kỳ đối với một số bệnh quy định tại Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn (sau đây gọi tắt là Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT).

- Hướng dẫn các trang trại chăn nuôi trên địa bàn xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh động vật để thực hiện tốt công tác giám sát dịch bệnh.

### **3. Công tác tiêm phòng vắc xin**

#### **3.1. Tiêm phòng vắc xin Đại cho chó mèo**

a) Đối tượng tiêm phòng bắt buộc: Chó, mèo, động vật cảm nhiễm khác.

b) Phạm vi, thời gian tiêm phòng: Triển khai tiêm phòng trên phạm vi toàn tỉnh, tổ chức tiêm phòng đợt chính vào tháng 2, tháng 3 năm 2020 và hàng tháng tiến hành tiêm phòng bổ sung cho đàn chó, mèo mới phát sinh hoặc hết thời gian miễn dịch. Địa điểm tiêm bổ sung tại Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật Nông nghiệp các huyện, thành phố và phòng chuyên môn của các xã, phường, thị trấn.

c) Hình thức tổ chức tiêm phòng:

- Trong đợt tiêm phòng chính tổ chức tiêm phòng theo hình thức cuốn chiếu, tiêm hết địa bàn xã, phường, thị trấn này đến địa bàn xã, phường, thị trấn khác; trong mỗi xã, phường, thị trấn tiêm hết thôn, bon, buôn này đến thôn, bon, buôn khác hoặc phân chia thành từng cụm để triển khai tiêm phòng đảm bảo đúng tiến độ, kế hoạch đã đề ra.

- Ngoài ra hàng tháng tiêm phòng bổ sung: Địa điểm do nhân viên Thú y xã và Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp các huyện, thành phố bố trí, sắp xếp. Người dân chủ động đăng ký tại các địa điểm nêu trên để được tiêm phòng bổ sung cho đàn chó nuôi của gia đình.

d) Cơ chế tài chính:

- Ngân sách nhà nước:

+ Kinh phí tỉnh hỗ trợ mua vắc xin, vật tư phục vụ công tác tiêm phòng cho các đối tượng là người đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ.

+ Kinh phí huyện, thành phố chi trả tiền công tiêm phòng và các chi phí tiêm phòng khác cho các đối tượng là người đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ.

- Các đối tượng khác phải trả 100% tiền mua vắc xin, tiền công tiêm phòng và các chi phí tiêm phòng khác.



### **3.2. Tiêm phòng vắc xin lở mồm long móng cho đàn gia súc**

a) Đối tượng tiêm phòng: Tiêm phòng cho toàn bộ đàn trâu, bò trên địa bàn các huyện, thành phố (đối với các gia súc khác, thực hiện tiêm phòng định kỳ và đột xuất theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

b) Thời gian tiêm phòng:

+ Đợt 1: Vào tháng 4 đến tháng 5 năm 2020.

+ Đợt 2: Vào tháng 10 đến tháng 11 năm 2020.

c) Vắc xin tiêm phòng: Sử dụng vắc xin nhị giá type O và A tiêm cho trâu, bò.

d) Hình thức tổ chức tiêm phòng: Tổ chức tiêm phòng theo hình thức cuốn chiếu, tiêm hết trên địa bàn xã, phường, thị trấn này đến xã, phường, thị trấn khác; trong mỗi xã, phường, thị trấn tiêm hết thôn, bon, buôn này đến thôn, bon, buôn khác hoặc phân chia thành từng cụm để triển khai tiêm phòng đảm bảo đúng tiến độ, kế hoạch và tránh lãng phí vắc xin do hao hụt, hư hỏng.

e) Cơ chế tài chính tiêm phòng:

- Đối với đàn gia súc của cơ sở chăn nuôi, doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, trang trại chăn nuôi thì các đơn vị tự bảo đảm kinh phí mua vắc xin và tổ chức tiêm phòng cho đàn gia súc của đơn vị mình theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương.

- Ngân sách nhà nước:

+ Đối với các đối tượng khác thì được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% tiền vắc xin và chi phí tiêm phòng (tiền công tiêm phòng; giám sát tiêm phòng; kinh phí mua dụng cụ, vật tư, trang thiết bị bảo quản vắc xin; tập huấn; thông tin tuyên truyền; bảo hộ lao động cho người đi tiêm phòng).

+ Chi phí hợp sơ kết, tổng kết và các chi phí khác (nếu có).

### **3.3. Tiêm phòng vắc xin mùa vụ**

a) Đối tượng tiêm phòng: Bao gồm trâu, bò, lợn trên địa bàn toàn tỉnh.

- Trâu, bò từ 6 tháng tuổi trở lên, sau 06 tháng tiêm nhắc lại.

- Lợn từ 04 tuần tuổi trở lên, sau 06 tháng tiêm nhắc lại.

b) Loại vắc xin tiêm phòng:

+ Đối với trâu, bò: tiêm phòng vắc xin tụ huyết trùng trâu, bò.

+ Đối với lợn: tiêm phòng vắc xin tụ huyết trùng lợn và dịch tả lợn.

c) Thời gian tiêm phòng:

- Triển khai tiêm phòng 02 vụ chính trong năm, vụ sau cách vụ trước 6 tháng, thời gian tiêm phòng cụ thể như sau:

+ Vụ I: Vào tháng 4 đến tháng 5 năm 2020.

+ Vụ II: Vào tháng 10 đến tháng 11 năm 2020.

- Ngoài ra, hàng tháng các hộ chăn nuôi chủ động triển khai tiêm phòng cho đàn gia súc của gia đình mình khi đến tuổi tiêm phòng.

d) Cơ chế tài chính:

- Ngân sách nhà nước:

+ Kinh phí tỉnh hỗ trợ mua vắc xin, vật tư phục vụ công tác tiêm phòng cho các đối tượng là người đồng bào dân tộc thiểu số và hộ nghèo.

+ Kinh phí cấp huyện chi trả tiền công tiêm phòng và các chi phí tiêm phòng khác cho các đối tượng là người đồng bào dân tộc thiểu số và hộ nghèo.

- Các đối tượng khác phải trả 100% tiền mua vắc xin, tiền công tiêm phòng và các chi phí tiêm phòng khác.

### **3.4. Tiêm phòng vắc xin cúm gia cầm**

a) Đối tượng tiêm phòng:

- Trang trại, cơ sở nuôi gia cầm tập trung: Gia cầm giống, gia cầm trứng thương phẩm, gia cầm nuôi thịt với thời gian nuôi trên 45 ngày; trừ cơ sở chăn nuôi động vật tập trung bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, vệ sinh môi trường và có kết quả âm tính đối với bệnh cúm gia cầm thể độc lực cao thì không phải thực hiện phòng bệnh bắt buộc bằng vắc xin cúm gia cầm.

- Gia cầm nuôi các loại: gà, vịt, ngan, chim cút và một số đối tượng gia cầm mẫn cảm khác.

b) Loại vắc xin tiêm phòng: Theo hướng dẫn của Cục Thú y, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

c) Thời gian tiêm phòng: Các trang trại, cơ sở nuôi gia cầm tập trung chủ động triển khai công tác tiêm phòng thường xuyên theo quy trình nuôi.

d) Cơ chế tài chính: Thực hiện xã hội hóa trong công tác tiêm phòng, chủ vật nuôi phải chi trả toàn bộ chi phí tiêm phòng cho đàn vật nuôi của mình.

### **3.5. Tiêm phòng vắc xin tai xanh ở lợn**

a) Đối tượng tiêm phòng: Người chăn nuôi chủ động tiêm vắc xin phòng bệnh tai xanh cho đàn lợn theo quy định; sử dụng các loại thuốc tăng sức đề kháng cho lợn.

b) Loại vắc xin tiêm phòng: Theo hướng dẫn của Cục Thú y, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.



c) Thời gian tiêm phòng: Các hộ chăn nuôi chủ động triển khai công tác tiêm phòng thường xuyên theo các tháng, không tập trung tiêm phòng thành đợt chính.

d) Cơ chế tài chính: Thực hiện xã hội hóa trong công tác tiêm phòng, chủ vật nuôi phải chi trả toàn bộ chi phí tiêm phòng cho đàn vật nuôi của mình.

#### **4. Công tác vệ sinh tiêu độc khử trùng**

- Định kỳ thực hiện vệ sinh tiêu độc khử trùng theo hướng dẫn tại Phụ lục 8 Thông tư 07/2016/TT-BNNPTNT để tiêu diệt và hạn chế vi sinh vật là nguyên nhân gây bệnh đang tồn tại trong môi trường, góp phần khống chế, ngăn chặn các dịch bệnh nguy hiểm phát sinh, lây lan như Cúm gia cầm, Long móng lở mồm, Dịch tả lợn Châu Phi, Tai xanh ở lợn, bệnh Đại, tụ huyết trùng trâu, bò, lợn...

- Tổ chức tốt các tháng tổng vệ sinh tiêu độc khử trùng do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND tỉnh phát động.

- Cơ quan chuyên môn hướng dẫn chủ cơ sở chăn nuôi, tổ chức, cá nhân buôn bán, giết mổ động vật thường xuyên thực hiện vệ sinh, tiêu độc, khử trùng chuồng trại, vật dụng tại các cơ sở chăn nuôi, nơi buôn bán, giết mổ động vật và các quầy bán sản phẩm động vật, phương tiện vận chuyển gia súc, gia cầm.

#### **5. Công tác quản lý chó nuôi**

- Chủ nuôi chó phải khai báo việc nuôi chó với trưởng thôn hoặc UBND xã, phường, thị trấn; đồng thời phải cam kết nuôi nhốt (hoặc xích), giữ chó trong khuôn viên của gia đình; tiêm phòng đầy đủ vắc xin dại cho đàn chó.

- UBND xã, phường, thị trấn: Tổ chức quản lý việc nuôi chó trên địa bàn để hỗ trợ và đánh giá kết quả công tác tiêm phòng Dại của xã, phường, thị trấn (lập danh sách hộ nuôi chó hoặc sổ quản lý chó nuôi) theo đúng quy định.

#### **6. Kiểm dịch vận chuyển, kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y**

- Duy trì chế độ trực 24/24 giờ tại các Trạm, Điểm kiểm dịch động, thực vật đầu mối giao thông để kiểm soát chặt chẽ động vật và sản phẩm động vật ra, vào tỉnh.

- Thực hiện kiểm dịch tại gốc và cấp giấy chứng nhận kiểm dịch theo đúng quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Tăng cường kiểm tra việc buôn bán, vận chuyển, giết mổ động vật để phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm trong vận chuyển, lưu thông, giết mổ, buôn bán động vật và sản phẩm động vật nhằm hạn chế việc lây lan dịch bệnh, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Đặc biệt là tăng cường kiểm soát việc vận chuyển gia súc, gia cầm qua biên giới nhằm ngăn ngừa lây lan dịch bệnh từ Campuchia vào Việt Nam.

- Thực hiện công tác kiểm soát giết mổ động vật theo đúng quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Các lực lượng: Thú y, Công an, Quản lý thị trường, chính quyền địa phương tăng cường kiểm soát việc lưu thông, giết mổ, tiêu thụ động vật, sản phẩm động vật trên địa bàn. Kiên quyết xử lý động vật và sản phẩm động vật không rõ nguồn gốc xuất xứ, trái quy định.

- Duy trì, kiện toàn các Đoàn kiểm tra liên ngành của tỉnh; của các huyện, thành phố Gia Nghĩa tiến hành kiểm tra các công tác phòng, chống dịch tại các cơ sở chăn nuôi, cơ sở giết mổ, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật trên địa bàn tỉnh. Đôn đốc triển khai thực hiện kế hoạch tại các đơn vị.

- Hướng dẫn và cấp giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y cơ sở chăn nuôi, cơ sở ấp trứng gia cầm, cơ sở sản xuất kinh doanh con giống; cơ sở giết mổ, sơ chế động vật, sản phẩm động vật theo quy định.

## **II. CHỐNG DỊCH**

- Khi có dịch bệnh nguy hiểm xảy ra, khẩn trương thực hiện đồng bộ các biện pháp chống dịch theo các quy định tại Thông tư 07/2016/TT-BNNPTNT, để nhanh chóng dập dịch, ngăn chặn dịch bệnh lây lan ra diện rộng.

- Khi có dịch cúm gia cầm, lở mồm long móng, tai xanh ở lợn... xảy ra trên địa bàn tỉnh, nhà nước hỗ trợ toàn bộ tiền công, vắc xin tiêm phòng và các chi phí liên quan đến tiêm phòng bao vây ổ dịch để không chế dịch bệnh. UBND cấp huyện bố trí kinh phí để tiến hành tiêm phòng bao vây ổ dịch.

- UBND cấp huyện chủ động sử dụng ngân sách của huyện, thành phố Gia Nghĩa để chống dịch (bao gồm kinh phí hỗ trợ tiêu hủy, công tác tiêm phòng vắc xin bao vây dập dịch và các chi phí phục vụ cho công tác chống dịch).

## **C. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Dự trù kinh phí phòng dịch: *(có bảng dự toán kinh phí chi tiết kèm theo)*. Kinh phí chống dịch: Khi xảy ra dịch bệnh sẽ xây dựng kinh phí chống dịch sau.

Tổng kinh phí chi trả cho công tác phòng dịch bệnh gia súc, gia cầm: 8.699.587.500 đồng *(Tám tỷ, sáu trăm chín mươi chín triệu năm trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng)*. Trong đó:

### **1. Ngân sách Trung ương cấp**

Tiền vắc xin Lở mồm long móng 1.915.450.000 đồng.

### **2. Ngân sách tỉnh chi trả**

- Vắc xin Đại và vắc xin mùa vụ của đối tượng ưu tiên;

- Bồi dưỡng lực lượng phòng dịch;



- Vật tư các loại phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh;
- Hóa chất, công bốc hóa chất;
- Xăng xe phục vụ giám sát tiêm phòng, vận chuyển hóa chất, vắc xin...

- Xét nghiệm, chẩn đoán xét nghiệm bệnh động vật.

Tổng số tiền: 1.440.060.500 đồng (*Một tỷ, bốn trăm bốn mươi triệu, không trăm sáu mươi nghìn, năm trăm đồng*).

### **3. Ngân sách cấp huyện chi trả**

Tổng số tiền: 4.429.867.000 đồng. Trong đó kinh phí từng huyện như sau:

- Huyện Đắk Mil: 716.680.000 đồng.
- Huyện Tuy Đức: 423.979.000 đồng.
- Thành phố Gia Nghĩa: 599.986.000 đồng.
- Huyện Đắk Song: 351.486.000 đồng.
- Huyện Đắk Glong: 324.100.000 đồng.
- Huyện Đắk R'lấp: 785.124.000 đồng.
- Huyện Cư Jút: 687.900.000 đồng.
- Huyện Krông Nô: 540.612.000 đồng.

### **4. Người chăn nuôi chi trả**

Tiền vắc xin, giấy chứng nhận tiêm phòng và công tiêm phòng vắc xin Đại chó, mèo; tiêm phòng mùa vụ cho gia súc của đối tượng không ưu tiên. Tổng kinh phí: 914.210.000 đồng.

## **D. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Tăng cường kiểm tra UBND cấp huyện thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch và chỉ đạo Chi cục Phát triển nông nghiệp phối hợp UBND cấp huyện triển khai các biện pháp kỹ thuật phòng, chống dịch trên địa bàn.

- Phối hợp với các Sở, Ban, ngành tham mưu cho UBND tỉnh các chính sách liên quan đến công tác phòng, chống dịch bệnh và hướng dẫn triển khai thực hiện.

- Chỉ đạo Chi cục Phát triển nông nghiệp:

+ Phối hợp các cơ quan thông tin đại chúng xây dựng chương trình tuyên truyền về thông tin dịch bệnh, các biện pháp phòng, chống dịch cho người chăn nuôi.

+ Chỉ đạo Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật nông nghiệp các huyện, thành phố tổ chức triển khai các biện pháp phòng, chống dịch tại các huyện, thành phố theo đúng kế hoạch, quy định.

+ Chịu trách nhiệm tiếp nhận, phân bổ vắc xin, hóa chất và vật tư; phân công cán bộ theo dõi địa bàn để hướng dẫn kỹ thuật, giám sát quá trình tiêm phòng, phòng, chống dịch; đồng thời, dự phòng nhân lực để hỗ trợ các địa phương khi cần thiết.

+ Giám sát dịch tễ, huyết thanh trước và sau tiêm phòng theo hướng dẫn của Cục Thú y.

+ Chuẩn bị đầy đủ vật tư, hoá chất để cấp phát cho các huyện, thành phố triển khai tiêm phòng và thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh theo kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt.

## **2. Sở Tài chính**

Tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kinh phí để thực hiện Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật năm 2020 từ nguồn kinh phí ngân sách Trung ương hỗ trợ ngân sách tỉnh.

## **3. Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan thông tấn báo chí**

Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện tổ chức tốt việc tuyên truyền để người dân nhận thức được mức độ nguy hiểm của bệnh, chủ động áp dụng các biện pháp phòng chống bệnh cho gia súc, gia cầm và thực hiện đúng các quy định về phòng chống dịch bệnh cho động vật.

## **4. Sở Công Thương**

Chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện kiểm tra xử lý triệt để các trường hợp kinh doanh động vật và sản phẩm động vật nhiễm bệnh hoặc không có nguồn gốc rõ ràng.

## **5. Sở Tài nguyên và Môi trường**

Hướng dẫn các địa phương địa điểm xử lý, tiêu hủy gia súc, gia cầm mắc bệnh, không gây ô nhiễm môi trường.

## **6. Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh**

Chỉ đạo các Đoàn biên phòng phối hợp với Quản lý thị trường, Cảnh sát kinh tế, Hải quan kiểm tra, xử lý gia súc, gia cầm nhập lậu từ Campuchia vào tỉnh Đắk Nông theo tuyến biên giới.

## **7. UBND cấp huyện**

7.1. Tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch trên địa bàn gồm công tác tiêm phòng, tiêu độc khử trùng... đảm bảo đúng đối tượng, đúng quy định của pháp luật và quản lý, sử dụng kinh phí đúng quy định. Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác phòng, chống dịch tại các xã, phường, thị trấn, đồng thời báo cáo kịp thời công tác phòng, chống dịch trên địa bàn về UBND tỉnh.



7.2. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để hướng dẫn và triển khai cho UBND các xã, phường, thị trấn, các ngành có liên quan thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch theo kế hoạch chung của tỉnh và của huyện, thành phố; Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn và các ban, ngành có liên quan tại địa phương triển khai công tác tiêm phòng đạt kết quả theo kế hoạch đã phê duyệt.

7.3. Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn và các ngành có liên quan phối hợp với Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp các huyện, thành phố Gia Nghĩa triển khai tiêm phòng triệt để số gia súc trong diện tiêm phòng đảm bảo đúng thời gian, kế hoạch đã đề ra.

7.4. Đối với công tác tiêm phòng: Sử dụng ngân sách địa phương để chi trả cho các hoạt động liên quan đến công tác tiêm phòng trên địa bàn:

- Tiêm phòng vắc xin đại chó, mèo: Chi trả tiền công tiêm phòng và các chi phí khác liên quan đến tiêm phòng cho các đối tượng là người đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ.

- Tiêm phòng vắc xin Lở mồm long móng: Chi trả tiền công tiêm phòng và các chi phí khác liên quan đến tiêm phòng.

- Tiêm phòng vắc xin mùa vụ cho gia súc: Chi trả tiền công tiêm phòng và các chi phí khác liên quan đến tiêm phòng cho các đối tượng là người đồng bào dân tộc thiểu số và hộ nghèo.

7.5. Đối với công tác tiêu độc khử trùng: Chủ động sử dụng ngân sách địa phương để chi trả chi phí vận chuyển hóa chất từ tỉnh về huyện, thành phố và từ huyện, thành phố xuống địa bàn các xã, phường, thị trấn để triển khai các tháng tổng vệ sinh, tiêu độc, khử trùng môi trường do UBND tỉnh phát động; tiền công và tiền nhiên liệu đổ bình phun thuốc tiêu độc khử trùng phục vụ công tác tiêu độc khử trùng phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn để công tác tiêu độc khử trùng đạt hiệu quả cao.

7.6. Trong trường hợp dịch xảy ra:

- Thành lập Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh động vật các cấp khi dịch bệnh được công bố để chỉ đạo, tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh động vật theo Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT.

- Thực hiện chính sách hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh động vật, khắc phục hậu quả do dịch bệnh gây ra, ổn định đời sống và khôi phục chăn nuôi trên địa bàn.

- Báo cáo UBND tỉnh về kết quả phòng, chống dịch bệnh động vật và thực hiện chính sách hỗ trợ phòng, chống dịch, khắc phục hậu quả do dịch bệnh gây ra và khôi phục chăn nuôi trên địa bàn.

- Hàng ngày báo cáo diễn biến tình hình dịch bệnh, các biện pháp phòng chống và nhận định tình hình dịch về Ban Chỉ đạo phòng chống dịch gia súc, gia cầm của tỉnh thông qua Chi cục Phát triển nông nghiệp.



## 7.7. Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn

- Phối hợp với Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật nông nghiệp tổ chức triển khai công tác tiêm phòng cho toàn đàn gia súc thuộc diện tiêm phòng, không để gia súc mắc bệnh do không được tiêm phòng. Nếu hộ chăn nuôi nào không chấp hành việc tiêm phòng thì tiến hành lập biên bản và xử lý theo đúng quy định. Thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng, chống dịch bệnh theo quy định.

- Thực hiện công tác quản lý chó nuôi trên địa bàn theo đúng quy định.

- Công tác thực hiện các tháng tổng tiêu độc khử trùng:

+ Tiếp nhận hóa chất từ Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông nghiệp các huyện hoặc phòng Kinh tế thành phố Gia Nghĩa hoặc trung tâm Dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp, quản lý chặt chẽ số hóa chất nhận, thường xuyên kiểm tra, giám sát quá trình sử dụng hóa chất theo quy định, đồng thời thực hiện thanh quyết toán theo đúng quy định.

+ Thành lập các Đội vệ sinh và phun thuốc sát trùng cho khu vực chăn nuôi nhỏ lẻ quy mô hộ gia đình, chợ buôn bán gia súc, gia cầm, nơi công cộng, đường làng, ngõ xóm, khu nhốt giữ gia cầm, sản phẩm gia cầm nhập lậu, các hố chôn gia súc, gia cầm trước đây. Việc phun khử trùng chỉ được thực hiện sau khi đã được vệ sinh cơ giới như quét dọn, cọ, rửa....

- Chỉ đạo trưởng thôn, bon, thú y xã trực tiếp kiểm tra, giám sát tình hình dịch bệnh; phối hợp với các tổ chức, đoàn thể quần chúng vận động nhân dân giám sát và thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch và thực hiện 5 không: *“Không dấu dịch; Không mua gia súc, gia cầm mắc bệnh, sản phẩm gia súc, gia cầm mắc bệnh; Không bán chạy gia súc, gia cầm mắc bệnh; Không thả rông, không tự vận chuyển gia súc, gia cầm mắc bệnh ra khỏi vùng dịch; Không vứt xác gia súc, gia cầm nghi mắc bệnh bừa bãi ra môi trường”*.

- Phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện hoặc phòng Kinh tế thành phố Gia Nghĩa; Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp các huyện, thành phố tổ chức giám sát nhằm phát hiện sớm và thông báo tình hình dịch bệnh động vật, triển khai các biện pháp phòng, chống dịch bệnh động vật, tổng hợp báo cáo thiệt hại do dịch bệnh động vật gây ra; hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh động vật.

- Khi có dịch xảy ra:

+ Thành lập Đội chống dịch gồm: Dân quân tự vệ, thanh niên, nhân viên thú y xã, công an, để tổ chức tiêu hủy gia súc, gia cầm bị bệnh buộc phải tiêu hủy; vệ sinh, tiêu độc khử trùng; giám sát người ra vào ổ dịch; trực gác tại các Chốt kiểm dịch động vật;

+ Thực hiện chính sách hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh động vật, khắc phục hậu quả do dịch bệnh gây ra, ổn định đời sống và khôi phục chăn nuôi trên địa bàn;



+ Trình UBND cấp huyện quyết định hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực khi yêu cầu phòng, chống dịch bệnh động vật vượt quá khả năng của địa phương;

+ Báo cáo UBND cấp huyện về kết quả phòng, chống dịch bệnh động vật và thực hiện chính sách hỗ trợ phòng, chống dịch, khắc phục hậu quả do dịch bệnh gây ra và khôi phục chăn nuôi trên địa bàn.

Trên đây là Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2020. Yêu cầu các Sở, Ban, ngành và UBND cấp huyện triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, báo cáo về UBND tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) để kịp thời xử lý. *mv*

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trương Thanh Tùng**



**DỰ TRÙ**

**Kinh phí phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn năm 2020 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 79 /QĐ-UBND ngày 15/01/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

TT	HÀNG MỤC	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
<b>PHẦN I: KINH PHÍ PHÒNG DỊCH</b>						
<b>A</b>	<b>KINH PHÍ TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ</b>				<b>8.699.587.500</b>	
	Vắc xin nhị giá type O, A tiêm cho trâu, bò	Liều	66.050	29.000	1.915.450.000	
<b>B</b>	<b>KINH PHÍ TỈNH</b>				<b>1.440.060.500</b>	
<b>1</b>	<b>Vắc xin phục vụ công tác tiêm phòng cho đối tượng ưu tiên</b>				<b>328.070.000</b>	
<b>1.1</b>	Vắc xin Đại chó	Liều	8.300	17.000	141.100.000	
<b>1.2</b>	Vắc xin mùa vụ				<b>186.970.000</b>	
	Vắc xin Dịch tả lợn	Liều	14.900	4.200	62.580.000	
	Vắc xin Tụ huyết trùng lợn	Liều	14.900	4.200	62.580.000	
	Vắc xin Tụ huyết trùng trâu, bò	Liều	8.830	7.000	61.810.000	
<b>2</b>	<b>Vật tư</b>				<b>185.910.500</b>	
	Xi lanh nhựa 5ml tiêm cho chó, mèo	Cái	710	1.500	1.065.000	
	Xi lanh inox 10ml	Cái	150	120.000	18.000.000	
	Xi lanh nhựa meka 10ml	Cái	126	150.000	18.900.000	
	Kim tiêm 9 tiêm cho chó, mèo	Cái	1.500	1.500	2.250.000	
	Kim tiêm 16	Cái	3.397	1.500	5.095.500	
	Panh	Cái	82	45.000	3.690.000	
	Găng tay cao su dùng 01 lần	Hộp	426	55.000	23.430.000	
	Quần áo bảo hộ	Bộ	206	110.000	22.660.000	
	Ủng cao su	Đôi	206	50.000	10.300.000	
	Khẩu trang y tế dùng 01 lần	Hộp	320	50.000	16.000.000	
	Khẩu trang vải	Cái	1.500	5.000	7.500.000	



	Áo mưa bộ	Bộ	110	280.000	30.800.000	
	Áo mưa dùng 01 lần cho tiêu độc khử trùng	Cái	4.700	5.000	23.500.000	
	Thùng bảo ôn bảo quản vắc xin khi đi tiêm phòng	Cái	16	170.000	2.720.000	
3	<b>Vấn phòng phẩm: Phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh.</b>	Tháng	12	500.000	6.000.000	
4	<b>Bồi dưỡng lực lượng phòng dịch: Công trực giám sát dịch bệnh, tiêm phòng, tiêu độc khử trùng của công chức, viên chức:</b>				84.400.000	Ngày thường 100.000đ/công Ngày nghỉ, lễ 200.000đ/công, Quyết định số 1442/QĐ-TTg ngày 23/8/2011
	Công ngày nghỉ, lễ, tết: (04 công/tuần x 52 tuần)+ 10 ngày nghỉ lễ	Công	218	200.000	43.600.000	
	Công ngày thường: Bình quân 02 công/tháng x 12 tháng x 17 người	Công	408	100.000	40.800.000	
5	<b>Tiêu độc khử trùng</b>				701.680.000	
	Hoá chất	Lít	5.600	125.000	700.000.000	
	Công bốc hoá chất	Lít	5.600	300	1.680.000	
6	<b>Xăng dầu</b>				44.000.000	
	Xăng, dầu xe ô tô (phục vụ giám sát tiêm phòng, vận chuyển vắc xin và hóa chất xuống huyện/thị xã, lấy mẫu) và xăng chạy máy nổ bảo quản vắc xin khi mất điện tại Chi cục Phát triển nông nghiệp	Lít	2.000	22.000	44.000.000	Chi theo thực tế phát sinh
7	<b>Xét nghiệm, chẩn đoán bệnh động vật</b>				90.000.000	
	Vật tư, bảo hộ, dụng cụ phục vụ công tác lấy mẫu				15.000.000	
	Công tác phí, công lấy mẫu khi đi lấy mẫu				15.000.000	
	Chi phí gửi mẫu và xét nghiệm (khi gửi mẫu đi xét nghiệm)				60.000.000	
C	<b>KINH PHÍ CÁC CẤP HUYỆN</b>				4.429.867.000	
I	<b>HUYỆN ĐẮK MIL (Theo Quyết định số 866/QĐ-UBND, ngày 24/10/2019 của UBND huyện Đắk Mil)</b>				716.680.000	
I	<b>Tuyên truyền</b>				117.040.000	
1.1	Xăng xe tuyên truyền cho người dân kế hoạch tiêm phòng, công khử trùng tiêu độc 02 lít/xã x 10 xã, thị trấn x 6 đợt = 120 lít	Lít	120	22.000	2.640.000	
1.2	Công đi phát thanh tuyên truyền thông báo cho dân kế hoạch tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng; 01 công/xã/đợt x 6 đợt x 10 xã, thị trấn = 60 công	Công	60	100.000	6.000.000	

1.3	Hội nghị: Tổ chức hội nghị bàn về công tác phòng, chống dịch bệnh: Phổ biến các văn bản mới trong công tác phòng, chống dịch bệnh, chỉ đạo của UBND tỉnh và cơ quan chuyên môn			108.400.000	
	Hỗ trợ tiền ăn cho học viên là những người không hưởng lương từ ngân sách gồm: Thủ y viên, Chuyên viên nông viên, công tác viên KN, trưởng thôn, ban, bản, tổ dân phố, các chủ trang trại (410 người * 02 lớp * 100.000 = 82.000.000)	Người	820	100.000	82.000.000
	Tiền thuê hội trường, in maket trang trí (02 lớp * 3.000.000 = 6.000.000)	Lớp	2	3.000.000	6.000.000
	Tài liệu, nước uống	Người	820	20.000	16.400.000
	Chi trả chế độ giảng viên đứng lớp (02 lớp * 2.000.000 = 4.000.000)	Lớp	2	2.000.000	4.000.000
2	<b>Tiền phòng</b>				<b>273.840.000</b>
2.1	<b>Giấy chứng nhận tiêm phòng: Dự kiến cấp 01 hộ/tổ/01 loài tiêm phòng</b>	Tờ	7.000	500	<b>3.500.000</b>
2.2	<b>Tiền phòng vắc xin đại chó, mèo</b>				<b>30.620.000</b>
	Số quản lý chó (cấp 01 quyển/hộ)	Quyển	1.000	5.000	5.000.000
	Công tiền phòng đối tượng hổ trợ hoàn toàn	Liều	800	5.900	4.720.000
	Công cán bộ thôn ban dẫn đường 01 công/bon x 11 bon = 11 công	Công	11	200.000	2.200.000
	Công cán bộ Trung tâm giám sát tiêm phòng 01 công/bon x 11 bon = 11 công	Công	11	200.000	2.200.000
	Dự phòng rủi ro trong quá trình tiêm phòng vắc xin đại và kháng huyết thanh cho người trực tiếp đi tiêm phòng bị chó mèo cắn trong quá trình tiêm phòng (01 người/xã * 10 xã + 05 người Trung tâm * 5 mũi = 75 mũi	Lần	75	220.000	16.500.000
2.3	<b>Tiền phòng vắc xin mùa vụ cho gia súc (Đối tượng ưu tiên)</b>				<b>45.720.000</b>
2.3.1	Công tiêm phòng trâu, bò	Con	400	4.800	1.920.000
2.3.2	Công tiêm phòng vắc xin mùa vụ cho lợn				4.800.000
	Vắc xin Dịch tả lợn (mũi 1)	Con	1.000	2.900	2.900.000
	Vắc xin Tụ huyết trùng lợn (mũi 2)	Con	1.000	1.900	1.900.000
	Công hỗ trợ người dẫn đường TB cho dân 01 công/thôn/dợt x 02 đợt x 100 thôn, bon = 200 công	Công	120	100.000	12.000.000
	Công CB Trung tâm giám sát tiêm phòng 04 công/xã/dợt x 02 đợt x 10 xã = 80 công	Công	50	100.000	5.000.000
	Công tiêm phòng trâu, bò	Con	7.500	4.800	36.000.000



	Công hỗ trợ người dẫn đường TB cho dân 01 công/thôn/đợt x 02 đợt x 140 thôn, bon = 280 công	Công	200	100.000	20.000.000	
	Công CB Trung tâm giám sát tiêm phòng 04 công/xã/đợt x 02 đợt x 10 xã = 80 công	Công	80	200.000	16.000.000	
	Vận chuyển vắc xin từ tỉnh về huyện (01 chuyển/đợt * 2 đợt = 02 chuyển)	Công	50	100.000	5.000.000	
		Công	30	200.000	6.000.000	
		Chuyển	2	1.500.000	3.000.000	
<b>2.5</b>	<b>Trên đá lạnh bảo quản vắc xin (05 lần/xã*10 xã=50 lần</b>	<b>Xã</b>	<b>50</b>	<b>50.000</b>	<b>2.500.000</b>	
<b>2.6</b>	<b>Dự phòng trong quá trình tiêm phòng do gia súc chết (Gia súc miễn cảm, phản ứng với vắc xin trong quá trình tiêm phòng)</b>				<b>105.500.000</b>	
	Trâu, bò	Kg	1.500	45.000	67.500.000	Chi theo thực tế phát sinh
	Lợn	Kg	1.000	38.000	38.000.000	
<b>3</b>	<b>Tiêu độc, khử trùng</b>				<b>136.100.000</b>	
	Chi hỗ trợ công phun hóa chất tổng tiêu độc khử trùng 28 công/xã/đợt*3 đợt*10 xã, thị trấn = 840 công	Công	600	100.000	60.000.000	
	Xăng đổ bình phun thuốc tiêu độc khử trùng 10 lít/xã/đợt*3 đợt * 10 xã, thị trấn = 300 lít	Công	240	200.000	48.000.000	
		Lít	300	22.000	6.600.000	
	Vận chuyển hóa chất từ tỉnh về huyện (01 chuyển/đợt * 3 đợt = 03 chuyển)	Chuyển	3	1.500.000	4.500.000	
	Công cán bộ Trung tâm giám sát công tác khử trùng, tiêu độc (04 công/xã * 10 xã * 3 đợt = 120 công)	Công	70	100.000	7.000.000	
		Công	50	200.000	10.000.000	
<b>4</b>	<b>Vấn phòng phẩm (phô tô biểu mẫu và vấn phòng phẩm phục vụ công tác ghi chép trong quá trình tiêm phòng, khử trùng tiêu độc)</b>	<b>Lần</b>	<b>6</b>	<b>1.000.000</b>	<b>6.000.000</b>	
<b>5</b>	<b>Xăng, dầu: chạy máy nổ bảo quản vắc xin khi mất điện</b>	<b>lít</b>	<b>50</b>	<b>22.000</b>	<b>1.100.000</b>	
<b>6</b>	<b>Chi phí lấy mẫu xét nghiệm bệnh</b>				<b>130.500.000</b>	
	Vật tư, bảo hộ, dụng cụ phục vụ công tác lấy mẫu			30.000.000	30.000.000	
	Công tác phí, công lấy mẫu khi đi lấy mẫu (02 công/mẫu * 50 mẫu *200.000/công = 20.000.000)	công	100	200.000	20.000.000	
	Chi phí xét nghiệm và gửi mẫu (gửi mẫu đi xét nghiệm)	Mẫu	50	1.500.000	75.000.000	
	xăng xe phục vụ đi lấy mẫu (05 lít/mẫu* 50 mẫu=250 lít	lít	250	22.000	5.500.000	
<b>7</b>	<b>Kiểm tra chất cấm trong chăn nuôi</b>				<b>52.100.000</b>	
	<b>Vật tư phục vụ xét nghiệm</b>				<b>36.000.000</b>	
	Mua test nhanh kiểm tra chất cấm trong chăn nuôi	cái	200	130.000	26.000.000	
	Chi phí xét nghiệm và gửi mẫu (dự kiến 10 mẫu không đạt)	Mẫu	10	800.000	8.000.000	
	Dụng cụ phục vụ công tác lấy mẫu				2.000.000	

	<b>Công tác đi kiểm tra, giám sát</b>						<b>16.100.000</b>	
	Hỗ trợ công đi kiểm tra, lấy mẫu	công	120	100.000			12.000.000	
	Hỗ trợ nhiên liệu đi kiểm tra, lấy mẫu	lít	50	22.000			1.100.000	
	Văn phòng phẩm						3.000.000	
<b>II</b>	<b>HUYỆN TUY ĐỨC (Theo Kế hoạch số 175/KH-UBND ngày 10/10/2019 của UBND huyện Tuy Đức)</b>						<b>423.979.000</b>	
<b>I</b>	<b>Tuyên truyền</b>						<b>31.884.000</b>	
1.1	Xăng xe di tuyên truyền thông báo cho dân kế hoạch tiêm phòng 02 lít/xã * 6 xã, thị trấn * 6 đợt = 72 lít	Lít	72	22.000			1.584.000	
1.2	Công đi phát thanh tuyên truyền thông báo cho dân kế hoạch tiêm phòng (01 công/xã * 6 xã * 6 đợt = 36 công)	Công	36	100.000			3.600.000	
1.3	<b>Hội nghị: Tổ chức hội nghị bàn về công tác phòng, chống dịch bệnh: phổ biến các văn bản mới trong công tác phòng chống dịch bệnh, chỉ đạo của UBND tỉnh và cơ quan chuyên môn</b>						<b>26.700.000</b>	
	Hỗ trợ tiền ăn cho học viên là những người không lương từ ngân sách gồm: thú y xã, trường thôn, bon ... 81 người/lớp*2 lớp =162 lớp	Người	162	100.000			16.200.000	
	Tiền phương tiện đi lại cho nhân viên thú y xã 100.000đ/người/ngày *6 người*2 lớp = 12 người	Người	12	100.000			1.200.000	
	Tài liệu + nước uống	Người	162	50.000			8.100.000	
	Chi trả chế độ giảng viên đứng lớp (cán bộ huyện)	Người	2	600.000			1.200.000	
<b>2</b>	<b>Tiêm phòng</b>						<b>288.520.000</b>	
2.1	<b>Giấy chứng nhận tiêm phòng: Dự kiến cấp 01 hộ/tờ/01 loại tiêm phòng</b>	Tờ	<b>5.000</b>	<b>500</b>			<b>2.500.000</b>	
2.2	<b>Tiêm phòng vắc xin đại chó, mèo</b>						<b>55.580.000</b>	
	Số quản lý chó (cấp 01 quyển/hộ)	Quyển	1.500	5.000			7.500.000	
	Công tiêm phòng đối tượng hỗ trợ hoàn toàn	Liều	1.200	5.900			7.080.000	
	Công thôn bon dẫn đường 01 công/bon * 75 bon=75 công	Công	75	200.000			15.000.000	Ngày thường 200.000đ/công; Ngày nghỉ, lễ 400.000đ/công
	Công cán bộ giám sát tiêm phòng dài 01 công/bon *75 bon = 75 công	Công	75	200.000			15.000.000	



	Chi phí tiêm phòng bệnh Vacc xin Đại cho những người trực tiếp thường xuyên thực hiện việc tiêm phòng vắc xin đại cho chó mèo và lấy mẫu xét nghiệm chó Đại để phòng rủi ro nhiễm bệnh Đại: 01 người/xã (thứ y xã) x 6 xã + 4 người trung tâm chuyên ngành thú y * 5 mũi tiêm=50 lần	Lần	50	220.000	11.000.000	Chi theo thực tế
<b>2.3</b>	<b>Tiêm phòng vắc xin mùa vụ cho gia súc (Đối tượng ưu tiên)</b>				<b>54.960.000</b>	
2.3.1	Công tiêm phòng trâu, bò	Con	1.700	4.800	8.160.000	
2.3.2	Công tiêm phòng vắc xin mùa vụ cho lợn				7.200.000	
	Vắc xin Dịch tả lợn (mũi 1)	Con	1.500	2.900	4.350.000	
	Vắc xin Tụ huyết trùng lợn (mũi 2)	Con	1.500	1.900	2.850.000	
2.3.3	Công hỗ trợ người dẫn đường, thông báo cho dân tại những thôn có đối tượng ưu tiên (01 người/thôn*75 thôn*2đợt)= 150 Công	Công	150	200.000	30.000.000	Ngày thường 200.000đ/công; Ngày nghỉ, lễ 400.000đ/công
2.3.4	Cán bộ giám sát tiêm phòng vắc xin mùa vụ cho gia súc: 04 công/xã/đợt x 02 đợt x 6 xã = 48 công	Công	48	200.000	9.600.000	
<b>2.4</b>	<b>Tiêm phòng vắc xin Long móng lở mồm cho gia súc</b>				<b>66.480.000</b>	
	Công tiêm phòng trâu, bò	Con	5.600	4.800	26.880.000	
	Công hỗ trợ người dẫn đường, thông báo cho dân (01 người/thôn*75 thôn*2đợt)= 150 Công	Công	150	200.000	30.000.000	Ngày thường 200.000đ/công; Ngày nghỉ, lễ 400.000đ/công
	Cán bộ giám sát tiêm phòng vắc xin Long móng lở mồm gia súc: 04 công/xã/đợt x 02 đợt x 6 xã = 48 công	Công	48	200.000	9.600.000	
<b>2.5</b>	<b>Tiền đá lạnh bảo quản vắc xin (05 lần/xã*6 xã=30 lần)</b>	Xã	30	50.000	1.500.000	
<b>2.6</b>	<b>Dự phòng trong quá trình tiêm phòng do gia súc chết (Gia súc mắc cảm, phản ứng với vắc xin trong quá trình tiêm phòng)</b>				<b>107.500.000</b>	
	Trâu, bò	Kg	1.500	45.000	67.500.000	
	Lợn	Kg	1.000	38.000	38.000.000	Chi theo thực tế phát sinh
	Thuốc dự phòng xử lý gia súc bị sốc				2.000.000	
<b>3</b>	<b>Vấn phòng phẩm (Photo biểu mẫu và vấn phòng phẩm phục vụ công tác ghi chép trong quá trình tiêm phòng và tiêu độc khử trùng)</b>	Lần	5	1.000.000	5.000.000	
<b>4</b>	<b>Tiêu độc khử trùng</b>				<b>51.120.000</b>	
	Chi hỗ trợ công phun hoá chất: (03 đợt tổng tiêu độc khử trùng/năm) 12 công/xã/đợt *3 đợt *6 xã = 216 công	Công	216	200.000	43.200.000	Ngày thường 200.000đ/công; Ngày nghỉ, lễ 400.000đ/công

	Xăng đổ bình phun thuốc tiêu độc: (20 lít/xã * 3 đợt * 6 xã = 360 lít)	Lít	360	22.000	7.920.000	
<b>5</b>	<b>Chi phí lấy mẫu xét nghiệm bệnh</b>				<b>46.355.000</b>	
	Thùng xốp	Cái	50	50.000	2.500.000	
	đá lạnh	lần	50	5.000	250.000	
	Gang tay cao su dùng 1 lần	hộp	1	100.000	100.000	
	Khẩu trang y tế	hộp	1	50.000	50.000	
	Ứng cao su	đôi	7	70.000	490.000	
	quần áo bảo hộ	bộ	4	110.000	440.000	
	Kim bướm	cái	50	5.000	250.000	
	Ông chống đông	lốc	1	300.000	300.000	
	Túi ni lông đựng mẫu	Kg	1	50.000	50.000	
	Dao mổ + lưỡi dao	cái	4	100.000	400.000	
	Xi lanh nhựa 10ml	cái	50	1.500	75.000	
	Băng keo	Cuộn	4	30.000	120.000	
	Bút lông	cái	4	20.000	80.000	
	Công tác phí, công lấy mẫu	công	50	200.000	10.000.000	
	Chi phí gửi mẫu và xét nghiệm (khi gửi mẫu đi xét nghiệm)	lần	50	625.000	31.250.000	
<b>6</b>	<b>Xăng, dầu: xăng chạy máy nổ bảo quản vắc xin khi mất điện</b>	Lít	<b>50</b>	<b>22.000</b>	<b>1.100.000</b>	
<b>III</b>	<b>THÀNH PHỐ GIA NGHĨA (Theo Công văn số 1868/UBND-KT, ngày 24/10/2019 của UBND thị xã Gia Nghĩa)</b>				<b>599.986.000</b>	
<b>1</b>	<b>Tuyên truyền</b>				<b>180.736.000</b>	
	Xăng xe đi tuyên truyền thông báo cho dân kế hoạch tiêm phòng 06 lít/xã x 8 xã x 6 đợt = 288 lít	Lít	288	22.000	6.336.000	
	Công đi phát thanh tuyên truyền thông báo cho dân kế hoạch tiêm phòng (03 công/xã x 8 xã x 6 đợt = 144 công	Công	144	100.000	14.400.000	
	Tập huấn tuyên truyền luật Chăn nuôi, thú y 1 lớp/xã x 8 xã, phường	Lớp	8	20.000.000	160.000.000	
<b>2</b>	<b>Tiêm phòng</b>				<b>118.330.000</b>	
<b>2.1</b>	<b>Giấy chứng nhận tiêm phòng: Dự kiến cấp 01 hộ/tờ/01 loại tiêm phòng</b>	Tờ	<b>5.000</b>	<b>500</b>	<b>2.500.000</b>	



<b>2.2</b>	<b>Tiền phòng vắc xin đại chó, mèo</b>						<b>20.850.000</b>	
	Sổ quản lý chó (cấp 01 quyển/hộ)	Quyển	400	5.000			2.000.000	
	Công tiền phòng đối tượng hổ trợ hoàn toàn	Liều	500	5.900			2.950.000	
	Công cán bộ thôn bon dẫn đường 01 công/bon x 08 bon = 08 công	Công	8	100.000			800.000	Ngày thường
	Công cán bộ Trung tâm giám sát tiêm phòng 01 công/bon x 08 bon = 08 công	Công	8	100.000			800.000	100.000đ/công; Ngày nghỉ, lễ 200.000đ/công
	Chi phí tiêm phòng bệnh Vắc xin Đại cho những người trực tiếp thường xuyên thực hiện việc tiêm phòng vắc xin đại cho chó mèo và lấy mẫu xét nghiệm chó Đại để phòng rủi ro nhiễm bệnh Đại: 01 người/xã (thứ y xã) x 9 xã + 4 người trung tâm chuyên ngành thú y * 5 mũi tiêm=65 lần	Mũi	65	220.000			14.300.000	Chi theo thực tế
<b>2.3</b>	<b>Tiền phòng vắc xin mùa vụ cho gia súc (Đổi tương ưu tiên)</b>						<b>16.240.000</b>	
2.3.1	Công tiêm phòng trâu, bò	Con	300	4.800			1.440.000	
2.3.2	Công tiêm phòng vắc xin mùa vụ cho lợn						2.400.000	
	Vắc xin Dịch tả lợn (mũi 1)	Con	500	2.900			1.450.000	
	Vắc xin Tụ huyết trùng lợn (mũi 2)	Con	500	1.900			950.000	
	Công hổ trợ người dẫn đường thông báo cho dân 01 công/thôn/đợt x 02 đợt x 30 thôn, bon = 60 công	Công	60	100.000			6.000.000	
	Công CB Trung tâm giám sát tiêm phòng 04 công/xã/đợt x 02 đợt x 08 xã = 64 công	Công	64	100.000			6.400.000	
<b>2.4</b>	<b>Tiền phòng vắc xin Long móng lở mồm cho gia súc</b>						<b>35.240.000</b>	
	Công tiêm phòng trâu, bò	Con	3.000	4.800			14.400.000	
	Công hổ trợ người dẫn đường, thông báo cho dân (01 người/thôn x 62 thôn x 2 đợt)= 124 Công	Công	124	100.000			12.400.000	Ngày thường
	Cán bộ Chuyên ngành Thú y thị xã giám sát tiêm phòng: 05 công/xã/đợt x 02 đợt x 8 xã = 80 công	Công	80	100.000			8.000.000	100.000đ/công; Ngày nghỉ, lễ 200.000đ/công
	Xăng tiêu hủy vỏ lọ vắc xin 10 lít/ đợt x 2 đợt/ năm = 20 lít	Lít	20	22.000			440.000	
<b>2.5</b>	<b>Tiền đá lạnh bảo quản vắc xin (05 lần/xã*8 xã=40 lần)</b>	Xã	40	50.000			2.000.000	
<b>2.6</b>	<b>Dự phòng trong quá trình tiêm phòng do gia súc chết (Gia súc mắc cảm, phản ứng với vắc xin trong quá trình tiêm phòng)</b>						<b>41.500.000</b>	
	Trâu, bò	Kg	500	45.000			22.500.000	Chi theo thực tế





	Kinh phí lấy mẫu (công tác phí, xăng xe, công lấy mẫu, làm thêm giờ để xử lý mẫu, chi phí gửi mẫu xét nghiệm)					10.000.000	
	Hỗ trợ chủ gia súc khi lấy mẫu máu trâu, bò thực hiện làm giám sát sau tiêm phòng vắc xin	Mẫu	80	10.000	800.000		
	Cước phí xét nghiệm(khi gửi mẫu đi xét nghiệm)				8.000.000		
	Dùng cụ, vật tư, hóa chất, kit xét nghiệm...				25.000.000		
	<b>Kinh phí lấy mẫu xác định dịch bệnh động vật</b>				<b>72.000.000</b>		
	Chi phí xét nghiệm mẫu	Mẫu	100	520.000	52.000.000		
	Vật tư lấy mẫu, chi phí gửi mẫu	Mẫu	100	100.000	10.000.000		
	Công lấy mẫu, làm thêm giờ để xử lý mẫu	Mẫu	100	100.000	10.000.000		
<b>IV</b>	<b>HUYỆN ĐẮK SONG (Theo Quyết định số 1462/QĐ-UBND, ngày 10/10/2019 của UBND huyện Đắk Song</b>				<b>351.486.000</b>		
<b>1</b>	<b>Tuyên truyền</b>				<b>27.276.000</b>		
1.1	Xăng xe đi tuyên truyền thông báo cho dân kế hoạch tiêm phòng 02 lít/xã * 9 xã, thị trấn * 6 đợt = 108 lít	Lít	108	22.000	2.376.000		
1.2	Công đi phát thanh tuyên truyền thông báo cho dân kế hoạch tiêm phòng (01 công/xã * 9 xã, thị trấn * 6 đợt = 54 công	Công	54	200.000	10.800.000		
1.3	<b>Hội nghị: Tổ chức hội nghị bàn về công tác phòng, chống dịch bệnh: phổ biến các văn bản mới trong công tác phòng chống dịch bệnh, chỉ đạo của UBND tỉnh và cơ quan chuyên môn</b>				<b>14.100.000</b>		
	Hỗ trợ tiền ăn cho học viên là những người không hưởng lương từ ngân sách gồm: Thụ y xã, trường thôn bon .....	Người	100	100.000	10.000.000		
	Tiền phương tiện đi lại cho nhân viên thụ y xã 100.000đ/người/ngày x 9 người	Người	9	100.000	900.000		
	Tiền tài liệu + nước uống + văn phòng phẩm	Người	100	22.000	2.200.000		
	Chi trả chế độ giảng viên đứng lớp (cán bộ huyện)	Người	2	500.000	1.000.000		
<b>2</b>	<b>Tiền phòng</b>				<b>187.510.000</b>		

2.1	Giấy chứng nhận tiêm phòng: Dự kiến cấp 01 hộ/tờ/01 loài tiêm phòng	Tờ	5.000	500	2.500.000	
2.2	Tiêm phòng vắc xin đại chó, mèo				21.820.000	
	Sổ quản lý chó (cấp 01 quyển/hộ)	Quyển	500	10.000	5.000.000	
	Công tiêm phòng đối tượng hổ trợ hoàn toàn	Liệu	800	5.900	4.720.000	
	Công cán bộ thôn bon dẫn đường 01 công/bon x 71 bon = 71 công	Công	71	100.000	7.100.000	
	<i>Dư phòng rủi ro trong quá trình tiêm phòng (tiêm phòng vắc xin đại và kháng huyết thanh cho người trực tiếp đi tiêm phòng bị chó, mèo cắn trong quá trình tiêm phòng)</i>	Người	2	2.500.000	5.000.000	Chi theo thực tế
2.3	<b>Tiêm phòng vắc xin mùa vụ cho gia súc (Đối tượng ưu tiên)</b>				<b>19.960.000</b>	
2.3.1	Công tiêm phòng trâu, bò	Con	700	4.800	3.360.000	
2.3.2	Công tiêm phòng vắc xin mùa vụ cho lợn				2.400.000	
	Vắc xin Dịch tả lợn (mũi 1)	Con	500	2.900	1.450.000	
	Vắc xin Tụ huyết trùng lợn (mũi 2)	Con	500	1.900	950.000	
	Công hổ trợ người dẫn đường TB cho dân 01 công/thôn/đợt x 02 đợt x 71 thôn, bon =142 công	Công	142	100.000	14.200.000	
2.4	<b>Tiêm phòng vắc xin Long móng lở mồm cho gia súc</b>				<b>52.480.000</b>	
	Công tiêm phòng trâu, bò	Con	7.975	4.800	38.280.000	
	Công hổ trợ người dẫn đường, thông báo cho dân (01 người/thôn x 71 thôn x 2 đợt)= 142 Công	Công	142	100.000	14.200.000	
2.5	<b>Tiền đá lạnh bảo quản vắc xin (05 lần/xã*9 xã=45 lần)</b>	Xã	45	50.000	2.250.000	
2.6	<b>Dự phòng trong quá trình tiêm phòng do gia súc chết (Gia súc mắc cúm, phản ứng với vắc xin trong quá trình tiêm phòng)</b>				<b>88.500.000</b>	
	Trâu, bò	Kg	1.500	45.000	67.500.000	Chi theo thực tế phát sinh
	Lợn	Kg	500	38.000	19.000.000	
	Thuốc dự phòng xử lý gia súc bị sốc				2.000.000	



3	Vấn phòng phẩm (Photo biểu mẫu và vấn phòng phẩm phục vụ công tác ghi chép trong quá trình tiêm phòng Long móng lở mồm và tiêu độc khử trùng)	Lần	5	1.000.000	5.000.000	
4	<b>Bồi dưỡng lực lượng thú y huyện tham gia công tác giám sát dịch bệnh</b>				<b>7.200.000</b>	
	Cán bộ huyện giám sát dịch bệnh, tiêm phòng, tiêu độc khử trùng: 04 công/xã/đợt x 02 đợt x 9 xã = 72 công	Công	72	100.000	7.200.000	
5	<b>Tiêu độc khử trùng</b>				<b>53.250.000</b>	
	Chi hỗ trợ công phun hoá chất: (03 đợt tổng tiêu độc khử trùng/năm) 2 công/thôn * 71 thôn * 3 đợt = 426 công	Công	426	100.000	42.600.000	
	Xăng đổ bình phun thuốc tiêu độc: 3 đợt*2 lít/thôn*71 thôn= 426 lít	Lít	426	22.000	10.650.000	
	Vận chuyển hóa chất từ tỉnh về huyện (01 chuyến/đợt * 3 đợt = 03 chuyến)	Chuyến	3	1.000.000	3.000.000	
6	<b>Xăng, dầu: xăng chạy máy nổ bảo quản vắc xin khi mất điện</b>	Lít	50	22.000	1.250.000	
7	<b>Chi phí lấy mẫu xét nghiệm bệnh</b>				<b>70.000.000</b>	
	Vật tư, bảo hộ, dụng cụ phục vụ công tác lấy mẫu				20.000.000	
	Công tác phí, công lấy mẫu khi đi lấy mẫu				30.000.000	
	Chi phí gửi mẫu và xét nghiệm (khi gửi mẫu đi xét nghiệm)				20.000.000	
V	<b>HUYỆN ĐẮK GLONG (Theo Quyết định số 2447/QĐ-UBND, ngày 17/10/2019 của UBND huyện Đắk Glong</b>				<b>324.100.000</b>	
1	<b>Tuyên truyền</b>				<b>17.330.000</b>	
1.1	Xăng xe đi tuyên truyền thông báo cho dân kế hoạch tiêm phòng 05 lít/xã * 7 xã * 6 đợt	Lít	210	22.000	4.620.000	
1.2	Công đi phát thanh tuyên truyền thông báo cho dân kế hoạch tiêm phòng (01 công/xã * 7 xã * 6 đợt	Công	42	100.000	4.200.000	
1.3	<b>Hội nghị: Tổ chức hội nghị bàn về công tác phòng, chống dịch bệnh: phổ biến các văn bản mới trong công tác phòng chống dịch bệnh, chỉ đạo của UBND tỉnh và cơ quan chuyên môn</b>				<b>8.510.000</b>	

	Hỗ trợ tiền ăn cho học viên là những người không hưởng lương từ ngân sách gồm: Thù y xã, trường thôn bon .....	Người	21	150.000	3.150.000	
	Tiền phương tiện đi lại cho học viên 100.000đ/người/ngày x 21 người	Người	21	100.000	2.100.000	
	Tiền tài liệu + nước uống	Người	21	60.000	1.260.000	
	Chi trả chế độ giảng viên đứng lớp (cán bộ huyện) 2.000.000đ/người/ngày			2.000.000	2.000.000	
<b>2</b>	<b>Tiền phòng</b>				<b>173.070.000</b>	
<b>2.1</b>	<b>Giấy chứng nhận tiêm phòng: Dự kiến cấp 01 hộ/tờ/01 loại tiêm phòng</b>	Tờ	<b>5.000</b>	<b>500</b>	<b>2.500.000</b>	
<b>2.2</b>	<b>Tiền phòng vắc xin đại chồ, mèo</b>				<b>28.580.000</b>	
	Công tiêm phòng đối tượng hổ trợ hoàn toàn	Liều	1.200	5.900	7.080.000	
	công cán bộ huyện giám sát 02 ngày công/xã*7 xã+ công thôn bon dẫn đường (đối tượng chính sách) 61 thôn, bon	Công	75	100.000	7.500.000	
	Dự phòng rủi ro trong quá trình tiêm phòng (tiêm phòng vắc xin đại và kháng huyết thanh cho người trực tiếp đi tiêm phòng bị chó, mèo cắn trong quá trình tiêm phòng) 1 người/xã *7 xã + 3 người chuyên ngành chăn nuôi thú y huyện	Người	10	1.400.000	14.000.000	Chi theo thực tế
<b>2.3</b>	<b>Tiền phòng vắc xin mùa vụ cho gia súc (Đối tượng ưu tiên)</b>				<b>26.040.000</b>	
2.3.1	Công tiêm phòng trâu, bò	Con	800	4.800	3.840.000	
2.3.2	Công tiêm phòng vắc xin mùa vụ cho lợn				7.200.000	
	Vắc xin Dịch tả lợn (mũi 1)	Con	1.500	2.900	4.350.000	
	Vắc xin Tụ huyết trùng lợn (mũi 2)	Con	1.500	1.900	2.850.000	
	Công hổ trợ người dẫn đường TB cho dân 01 công/hôn/đợt x 02 đợt x 61 thôn, bon = 122 công	Công	122	100.000	12.200.000	
	Công CB Trung tâm giám sát tiêm phòng 02 công/xã/đợt x 02 đợt x 07 xã = 28 công	Công	28	100.000	2.800.000	
<b>2.4</b>	<b>Tiền phòng vắc xin Long móng lở mồm cho gia súc</b>				<b>50.200.000</b>	
	Công tiêm phòng trâu, bò	Con	7.500	4.800	36.000.000	



	Công hỗ trợ người dẫn đường, thông báo cho dân (01 người/thôn*71 thôn*2đợt)= 142 Công	Công	142	100.000	14.200.000	
<b>2.5</b>	<b>Tiền đá lạnh bảo quản vắc xin (05 lần/xã*7 xã=35 lần)</b>	<b>Xã</b>	<b>35</b>	<b>50.000</b>	<b>1.750.000</b>	
<b>2.6</b>	<b>Dự phòng trong quá trình tiêm phòng do gia súc chết (Gia súc mắc cúm, phần ứng với vắc xin trong quá trình tiêm phòng)</b>				<b>64.000.000</b>	
	Trâu, bò	Kg	1.000	45.000	45.000.000	Chi theo thực tế phát sinh
	Lợn	Kg	500	38.000	19.000.000	
	Thuốc dự phòng xử lý gia súc bị sốc				3.000.000	
<b>3</b>	<b>Vấn phòng phẩm (Photo biểu mẫu và vấn phòng phẩm phục vụ công tác ghi chép trong quá trình tiêm phòng Long móng lở mồm và tiêu độc khử trùng)</b>	<b>Lần</b>	<b>5</b>	<b>1.000.000</b>	<b>5.000.000</b>	
<b>4</b>	<b>Hỗ trợ lực lượng chuyên ngành thú y huyện tham gia công tác giám sát</b>				<b>16.000.000</b>	
	Cán bộ huyện giám sát (04 người x 40 công/năm)	Công	160	100.000	16.000.000	
<b>5</b>	<b>Tiền độc khử trùng</b>				<b>95.600.000</b>	
	Chi hỗ trợ công phun hoá chất: (03 đợt tổng tiêu độc khử trùng/năm; 61 thôn *6 công/thôn/đợt*3 đợt) = 549 công	Công	549	100.000	54.900.000	
	Vận chuyển hóa chất từ tỉnh về huyện và từ huyện xuống các xã (thuê xe vận chuyển 2 chuyến/lần phun)	Lần	6	3.000.000	18.000.000	
	Xăng đổ bình phun thuốc tiêu độc	Lít	200	22.000	4.400.000	
	công cán bộ huyện giám sát (61 công*1*3 đợt=183)	công	183	100.000	18.300.000	
<b>6</b>	<b>Xăng, dầu: xăng chạy máy nổ bảo quản vắc xin khi mất điện</b>	<b>Lít</b>	<b>50</b>	<b>22.000</b>	<b>1.100.000</b>	
<b>7</b>	<b>Chi phí lấy mẫu xét nghiệm bệnh</b>				<b>16.000.000</b>	
	Công tác phí, công lấy mẫu	Công	40	200.000	8.000.000	
	Vật tư phục vụ công tác lấy mẫu	Bộ	40	200.000	8.000.000	
	Chi phí gửi mẫu và xét nghiệm	Mẫu	40		Chi theo thực tế	
<b>VI</b>	<b>HUYỆN ĐẮK RLẤP (Theo Kế hoạch số 173/KH-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND huyện Đắk Rlấp)</b>				<b>785.124.000</b>	

<b>1</b>	<b>Tuyên truyền</b>					<b>48.704.000</b>	
1.1	Xăng xe đi tuyên truyền thông báo cho dân kê hoạch tiêm phòng 02 lít/xã * 11 xã, thị trấn * 6 đợt = 132 lít	Lít	132	22.000		2.904.000	
1.2	Công đi phát thanh tuyên truyền thông báo cho dân kê hoạch tiêm phòng (01 công/xã * 11 xã, thị trấn * 6 đợt = 66 công	Công	66	200.000		13.200.000	
1.3	<b>Hội nghị: Tổ chức hội nghị bàn về công tác phòng, chống dịch bệnh: phổ biến các văn bản mới trong công tác phòng chống dịch bệnh, chỉ đạo của UBND tỉnh và cơ quan chuyên môn</b>					<b>32.600.000</b>	
	Hỗ trợ tiền ăn cho học viên là những người không hưởng lương từ ngân sách gồm: Thú y xã, trường thôn bon .....	Người	120	50.000		6.000.000	
	Tiền phương tiện đi lại cho nhân viên thú y xã 100.000đ/người/ngày x 120 người	Người	120	100.000		12.000.000	
	Tiền tài liệu + nước uống	Người	120	30.000		3.600.000	
	Chi trả chế độ giảng viên đứng lớp (02 cán bộ huyện)/1 lớp x 11lớp/xã x 11 xã	Ngày	22	500.000		11.000.000	
<b>2</b>	<b>Tiêm phòng</b>					<b>356.150.000</b>	
<b>2.1</b>	<b>Giấy chứng nhận tiêm phòng: Dự kiến cấp 01 hộ/tờ/01 loại tiêm phòng</b>	Tờ	<b>8.000</b>	<b>500</b>		<b>4.000.000</b>	
<b>2.2</b>	<b>Tiêm phòng vắc xin đại chó, mèo</b>					<b>108.100.000</b>	
	Số quản lý chó (cấp 01 quyển/hộ)	Quyển	5.000	15.000		75.000.000	
	Công tiêm phòng đối tượng hổ trợ hoàn toàn	Liều	2.000	5.900		11.800.000	
	Công thôn, bon dẫn đường 01 công/bon x 12 bon = 12 công	Công	12	200.000		2.400.000	
	công cán bộ trung tâm giám sát tiêm phòng đại 01 công/bon x 12 bon = 12 công	Công	12	200.000		2.400.000	
	<i>Chi phí tiêm phòng bệnh Vắc xin Đại cho những người trực tiếp thường xuyên thực hiện việc tiêm phòng vắc xin đại cho chó mèo và lấy mẫu xét nghiệm chó Đại để phòng rủi ro nhiễm bệnh Đại: 01 người/xã (thú y xã)/1 xã + 04 người trung tâm chuyên ngành Chăn nuôi thú y * 5 mũi tiêm</i>	Mũi	75	220.000		16.500.000	Chi theo thực tế
<b>2.3</b>	<b>Tiêm phòng vắc xin mùa vụ cho gia súc (Đổi tượng ưu tiên)</b>					<b>41.920.000</b>	
2.3.1	Công tiêm phòng trâu, bò	Con	500	4.800		2.400.000	



2.3.2	Công tiêm phòng vắc xin mùa vụ cho lợn						1.920.000	
	Vắc xin Dịch tả lợn (mũi 1)	Con	400	2.900			1.160.000	
	Vắc xin Tụ huyết trùng lợn (mũi 2)	Con	400	1.900			760.000	
	Công hỗ trợ người dẫn đường, thông báo cho dân tại những thôn có đối tượng ưu tiên (01 người/thôn*50 thôn*2 đợt)= 100 Công	Công	100	200.000			20.000.000	
	công cán bộ trung tâm giám sát tiêm phòng 04 công/xã/ đợt x 11 xã = 88 công	Công	88	200.000			17.600.000	
2.4	<b>Tiêm phòng vắc xin Long móng lở mồm cho gia súc</b>						<b>101.880.000</b>	
	Công tiêm phòng trâu, bò	Con	7.975	4.800			38.280.000	
	Xe vận chuyển vắc xin từ tỉnh về huyện	Chuyến	2	1.000.000			2.000.000	
	Công hỗ trợ người dẫn đường, thông báo cho dân (01 người/thôn*110 thôn*2 đợt)= 220 Công	Công	220	200.000			44.000.000	
	công cán bộ trung tâm giám sát tiêm phòng 04 công/xã/ đợt x 11 xã = 88 công	Công	88	200.000			17.600.000	
2.5	<b>Trên đá lạnh bảo quản vắc xin (05 lần/xã*11 xã=55 lần)</b>	Xã	55	50.000			<b>2.750.000</b>	
2.6	<b>Dự phòng trong quá trình tiêm phòng do gia súc chết (Gia súc miễn cầm, phản ứng với vắc xin trong quá trình tiêm phòng)</b>						<b>97.500.000</b>	
	Trâu, bò	Kg	1.500	45.000			67.500.000	Chi theo thực tế phát sinh
	Lợn	Kg	500	38.000			19.000.000	
	Thuốc dự phòng xử lý gia súc bị sốc	xã	11	1.000.000			11.000.000	
3	<b>Vấn phòng phẩm (Photo biểu mẫu và vấn phòng phẩm phục vụ công tác ghi chép trong quá trình tiêm phòng Long móng lở mồm và tiêu độc khử trùng)</b>	Lần	5	1.000.000			<b>5.000.000</b>	
4	<b>Hỗ trợ lực lượng chuyên ngành thú y huyện tham gia công tác giám sát dịch bệnh</b>						<b>17.600.000</b>	
	Cán bộ huyện giám sát dịch bệnh	Công	88	200.000			17.600.000	
5	<b>Tiêu độc khử trùng</b>						<b>215.520.000</b>	
	Chi hỗ trợ công phun hoá chất: (03 đợt tổng tiêu độc khử trùng/năm) 2 công/thôn/đợt *3 đợt *110 thôn = 660 công	Công	660	200.000			132.000.000	

	Vận chuyển hóa chất từ tỉnh về huyện	Lần	3	1.000.000	3.000.000	
	Xăng đổ bình phun thuốc tiêu độc (2 lít/thôn *3 đợt* 110 thôn=660 lít)	Lít	660	22.000	14.520.000	
	công cán bộ trung tâm giám sát (110 thôn *1 công/thôn*3 đợt=330 công)	công	330	200.000	66.000.000	
<b>6</b>	<b>Xăng, dầu: xăng chạy máy nổ bảo quản vắc xin khi mất điện</b>	Lít	<b>50</b>	<b>22.000</b>	<b>1.100.000</b>	
<b>7</b>	<b>Chi phí lấy mẫu xét nghiệm bệnh</b>				<b>141.050.000</b>	
	Công tác phí, công lấy mẫu	Công	100	300.000	30.000.000	
	Vật tư, bảo hộ, dụng cụ phục vụ công tác lấy mẫu				40.000.000	
	Chi phí gửi mẫu và xét nghiệm (khi gửi mẫu đi xét nghiệm)	Mẫu	100	100.000	10.000.000	
	Lệ phí xét nghiệm	Mẫu	100	610.500	61.050.000	
<b>VII</b>	<b>HUYỆN CU JÚT (Theo Quyết định số 2595/KH-UBND, ngày 05/11/2019 của UBND huyện Cư Jút</b>				<b>687.900.000</b>	
<b>1</b>	<b>Tuyên truyền</b>				<b>12.000.000</b>	
	Xăng xe, công đi tuyên truyền thông báo cho dân kê hoạch tiêm phòng, tiêu độc khử trùng phòng chống dịch	Đợt	6	2.000.000	12.000.000	
<b>2</b>	<b>Hội nghị tập huấn về công tác phòng chống dịch bệnh (02 lớp)</b>				<b>89.600.000</b>	
	<b>Kinh phí cho 01 lớp</b>				<b>44.800.000</b>	
	Tiền ăn cho học viên (150 người)	Người	150	150.000	22.500.000	
	Tiền bài giảng (bao gồm cả việc biên soạn và chỉnh sửa tài liệu)	Buổi	2	500.000	1.000.000	
	Photo tài liệu	Bộ	150	20.000	3.000.000	
	Văn phòng phẩm	Bộ	150	10.000	1.500.000	
	Thuê hội trường, trang thiết bị	Ngày	1	1.000.000	1.000.000	
	Hỗ trợ đi lại cho học viên ở xa > 15km	Người	120	100.000	12.000.000	
	Trang trí	Lần	1	500.000	500.000	
	Tiền nước uống cho học viên, giảng viên, BTC	Người	155	20.000	3.100.000	
	Thuê phục vụ	Ngày	1	200.000	200.000	
<b>3</b>	<b>Tiêm phòng</b>				<b>344.804.000</b>	





3.1	Giấy chứng nhận tiêm phòng: Dự kiến cấp 01 hộ/tờ/01 loại tiêm phòng	Tờ	10.000	500	5.000.000	
3.2	Tiêm phòng vắc xin đại chố, mèo				10.120.000	
	Công tiêm phòng đối tượng hỗ trợ hoàn toàn	Liều	800	5.900	4.720.000	
	Công thôn, bon dẫn đường 01 công/bon x 12 bon = 12 công	Công	12	200.000	2.400.000	
	Dự phòng rủi ro trong quá trình tiêm phòng (tiêm phòng vắc xin đại và kháng huyết thanh cho người trực tiếp đi tiêm phòng bị chố, mèo cắn trong quá trình tiêm phòng)	Người	2	1.500.000	3.000.000	Chi theo thực tế
3.3	<b>Tiêm phòng vắc xin mùa vụ cho gia súc (Đối tượng ưu tiên)</b>				104.464.000	
3.3.1	Công tiêm phòng trâu, bò	Con	3.430	4.800	16.464.000	
3.3.2	Công tiêm phòng vắc xin mùa vụ cho lợn				24.000.000	
	Vắc xin Dịch tả lợn (mũi 1)	Con	5.000	2.900	14.500.000	
	Vắc xin Tụ huyết trùng lợn (mũi 2)	Con	5.000	1.900	9.500.000	
	Công hỗ trợ người dẫn đường, thông báo cho dân (01 người/thôn*128 thôn*2đợt)= 256 Công	Công	256	200.000	51.200.000	
	công cán bộ trung tâm giám sát tiêm phòng 04 công/xã/ đợt x 08 xã x 02 đợt = 64 công	Công	64	200.000	12.800.000	
3.4	<b>Tiêm phòng vắc xin Long móng lở mồm cho gia súc</b>				134.720.000	
	Công tiêm phòng trâu, bò	Con	13.900	4.800	66.720.000	
	Xe vận chuyển vắc xin từ tỉnh về huyện	Chuyến	2	2.000.000	4.000.000	
	Công hỗ trợ người dẫn đường, thông báo cho dân (01 người/thôn*128 thôn*2đợt)= 256 Công	Công	256	200.000	51.200.000	
	công cán bộ trung tâm giám sát tiêm phòng 04 công/xã/ đợt x 08 xã x 02 đợt = 64 công	Công	64	200.000	12.800.000	
3.5	<b>Triển đá lạnh bảo quản vắc xin (05 lần/xã*08 xã= 40 lần)</b>	Xã	40	50.000	2.000.000	
3.6	<b>Dự phòng trong quá trình tiêm phòng do gia súc chết (Gia súc mắc cảm, phản ứng với vắc xin trong quá trình tiêm phòng)</b>				88.500.000	
	Trâu, bò	Kg	1.500	45.000	67.500.000	



							CÁC MỤC TIÊU TÀI CHÍNH	
							sinh	
	Lợn		Kg	500	38.000	19.000.000		
	Thuốc dự phòng xử lý gia súc bị sốt					2.000.000		
4	<b>Vấn phòng phẩm (Photo biểu mẫu và vấn phòng phẩm phục vụ công tác ghi chép trong quá trình tiêm phòng Long móng lở mồm và tiêu độc khử trùng)</b>		Lần	5	1.000.000	<b>5.000.000</b>		
5	<b>Tiêu độc khử trùng</b>					<b>186.496.000</b>		
	Chi hỗ trợ công phun hoá chất: (03 đợt tổng tiêu độc khử trùng/năm) 2 công/thôn/đợt * 3 đợt * 128 thôn = 768 công		Công	768	200.000	153.600.000		
	Vận chuyển hóa chất từ tỉnh về huyện		Lần	3	2.000.000	6.000.000		
	Xăng đổ bình phun thuốc tiêu độc (2 lít/thôn * 3 đợt * 128 thôn = 768 lít)		Lít	768	22.000	16.896.000		
	Bồi dưỡng lực lượng thú y tham gia kiểm tra, giám sát tiêu độc khử trùng		Công			10.000.000		
6	<b>Chi phí lấy mẫu xét nghiệm bệnh</b>					<b>50.000.000</b>		
	Vật tư, bảo hộ, dụng cụ phục vụ công tác lấy mẫu					20.000.000		
	Công lấy mẫu và gửi mẫu					5.000.000		
	Chi phí xét nghiệm					25.000.000		
VIII	<b>HUYỆN KRÔNG NÔ (Theo Kế hoạch số 232/KH-UBND, ngày 09/12/2019 của UBND huyện Krông Nô)</b>					<b>540.612.000</b>		
1	<b>Tuyên truyền</b>					<b>31.204.000</b>		
1.1	Xăng xe đi tuyên truyền thông báo cho dân kế hoạch tiêm phòng, tiêu độc (01 lít/xã * 12 xã, thị trấn * 6 đợt = 72 lít)		Lít	72	22.000	1.584.000		
1.2	Công đi phát thanh tuyên truyền thông báo cho dân kế hoạch tiêm phòng (01 công/xã * 12 xã, thị trấn * 6 đợt = 72 công)		Công	72	100.000	7.200.000		
1.3	<b>Hội nghị: Tổ chức hội nghị bàn về công tác phòng, chống dịch bệnh: phổ biến các văn bản mới trong công tác phòng chống dịch bệnh, chỉ đạo của UBND tỉnh và cơ quan chuyên môn</b>					<b>22.420.000</b>		
	Hỗ trợ tiền ăn cho học viên là những người không hưởng lương từ ngân sách gồm: Thú y xã, khuyến nông viên, đại diện ban tự quản thôn, bon, tổ dân phố... (12 thú y xã + 12 khuyến nông viên + 104 đại diện ban tự quản thôn, bon, tổ dân phố = 128 người)		Người	128	100.000	12.800.000		
	Trần tài liệu + nước uống		Người	128	40.000	5.120.000		



	Chi trả chế độ giảng viên đứng lớp (cán bộ huyện)	Buổi	6	500.000	3.000.000	
	Trang trí, phục vụ lớp học	Lớp	3	500.000	1.500.000	
<b>2</b>	<b>Tiêm phòng</b>				<b>238.600.000</b>	
<b>2.1</b>	<b>Giấy chứng nhận tiêm phòng: Dự kiến cấp 01 hộ/từ/01 loài tiêm phòng</b>	Tờ	<b>8.000</b>	<b>500</b>	<b>4.000.000</b>	
<b>2.2</b>	<b>Tiêm phòng vắc xin đại chó, mèo</b>				<b>33.000.000</b>	
	Số quản lý chó (cấp 01 quyền/hộ)	Quyển	1.500	5.000	7.500.000	
	Công tiêm phòng đối tượng hổ trợ hoàn toàn	Liều	1.000	5.900	5.900.000	
	Công thôn, bon dẫn đường 01 công/bon x 20 bon = 20 công	Công	20	100.000	2.000.000	
	<i>Chi phí tiêm phòng bệnh Vắc xin Đại cho những người trực tiếp thường xuyên thực hiện việc tiêm phòng vắc xin đại cho chó mèo và lấy mẫu xét nghiệm chó Đại để phòng rủi ro nhiễm bệnh Đại: 01 người/xã (thú y xã) 12 xã + 04 người trung tâm chuyên ngành Chăn nuôi thú y * 5 mũi tiêm</i>	Mũi	80	220.000	17.600.000	Chi theo thực tế
<b>2.3</b>	<b>Tiêm phòng vắc xin mùa vụ cho gia súc (Đối tượng ưu tiên)</b>				<b>46.400.000</b>	
2.3.1	Công tiêm phòng trâu, bò	Con	1.000	4.800	4.800.000	
2.3.2	Công tiêm phòng vắc xin mùa vụ cho lợn				21.600.000	
	Vắc xin Dịch tả lợn (mũi 1)	Con	4.500	2.900	13.050.000	
	Vắc xin Tụ huyết trùng lợn (mũi 2)	Con	4.500	1.900	8.550.000	
	Công hổ trợ người dẫn đường, thông báo cho dân tại những thôn có đối tượng ưu tiên (01 người/thôn*50 thôn*2đợt) = 100 Công	Công	100	200.000	20.000.000	
<b>2.4</b>	<b>Tiêm phòng vắc xin Long móng lở mồm cho gia súc</b>				<b>83.200.000</b>	
	Công tiêm phòng trâu, bò	Con	13.000	4.800	62.400.000	
	Công hổ trợ người dẫn đường, thông báo cho dân (01 người/thôn*104thôn*2đợt) = 208 Công	Công	208	100.000	20.800.000	
<b>2.5</b>	<b>Truyền đá lạnh bảo quản vắc xin (05 lần/xã*12 xã=60 lần)</b>	Xã	<b>60</b>	<b>50.000</b>	<b>3.000.000</b>	
<b>2.6</b>	<b>Dự phòng trong quá trình tiêm phòng do gia súc chết (Gia súc mắc cúm, phản ứng với vắc xin trong quá trình tiêm phòng)</b>				<b>69.000.000</b>	
	Trâu, bò	Kg	1.000	45.000	45.000.000	Chi theo thực tế phát sinh
	Lợn	Kg	500	38.000	19.000.000	
	Thuốc dự phòng xử lý gia súc bị sốc				5.000.000	

3	Vấn phòng phẩm (Photo biểu mẫu và vấn phòng phẩm phục vụ công tác ghi chép trong quá trình tiêm phòng long móng lở mồm và tiêu độc khử trùng)	Lần	5	1.000.000	5.000.000	
4	Bồi dưỡng lực lượng thú y huyện tham gia công tác kiểm tra, giám sát dịch bệnh động vật				<b>14.400.000</b>	
	Cán bộ trung tâm kiểm tra, giám sát tình hình dịch bệnh gia súc, gia cầm tại các xã, thị trấn: 01 công/xã/tháng x 12 tháng x 12 xã = 144 công	Công	144	100.000	14.400.000	
5	<b>Tiêu độc khử trùng</b>				<b>76.128.000</b>	
	Chi hỗ trợ công phun hoá chất: (03 đợt tổng tiêu độc khử trùng/năm) 2 công/thôn/đợt *3 đợt *104 thôn = 624 công	Công	624	100.000	62.400.000	
	Xăng đổ bình phun thuốc tiêu độc (2 lít/thôn *3 đợt* 104 thôn=624 lít)	Lít	624	22.000	13.728.000	
6	<b>Xăng, dầu: xăng chạy máy nổ bảo quản vắc xin khi mất điện</b>	Lít	<b>50</b>	<b>22.000</b>	<b>1.100.000</b>	
7	<b>Chi phí lấy mẫu xét nghiệm bệnh phẩm và kiểm tra tồn dư chất cấm</b>				<b>174.180.000</b>	
	Dự trừ kinh phí mua test nhanh kiểm tra tồn dư chất cấm nhóm Beta-agonist trong chân nuôi, giết mổ	Test	100	135.000	13.500.000	
	Phân tích định lượng tồn dư chất cấm nhóm Beta-agonist trong chân nuôi, giết mổ	Mẫu	50	770.000	38.500.000	
	Dự trừ kinh phí xét nghiệm mẫu bệnh phẩm động vật phục vụ công tác phòng, chống dịch				61.000.000	
	Thuong xopt bao quan mau	Cái	100	43.000	4.300.000	
	Thuê xe gửi mẫu đến cơ quan xét nghiệm	Chuyến	100	300.000	30.000.000	
	Vật tư bảo quản mẫu, đá lạnh	Mẫu	100	10.000	1.000.000	
	Công mở khám và lấy mẫu	Mẫu	100	258.800	25.880.000	
<b>D</b>	<b>KINH PHÍ DO NGƯỜI CHĂN NUÔI TỰ CHI TRẢ</b>				<b>914.210.000</b>	
<b>1</b>	<b>Thêm phòng vắc xin đại chó, mèo</b>				<b>341.210.000</b>	
	Vắc xin Đại chó	Liều	14.900	17.000	253.300.000	
	Công tiêm phòng vắc xin đại chó, mèo	Con	14.900	5.900	87.910.000	
2	<b>Thêm phòng vắc xin mùa vụ cho gia súc</b>				<b>573.000.000</b>	
2.1	<b>Vắc xin mùa vụ</b>				<b>357.000.000</b>	
	Vắc xin Dịch tả lợn	Liều	30.000	4.200	126.000.000	



	Vắc xin Tụ huyết trùng lợn	Liệu	30.000	4.200	126.000.000	
	Vắc xin Tụ huyết trùng trâu, bò	Liệu	15.000	7.000	105.000.000	
<b>2.2</b>	<b>Công tiêm phòng</b>				<b>216.000.000</b>	
2.2.1	Công tiêm phòng trâu, bò	Con	15.000	4.800	72.000.000	
2.2.2	Công tiêm phòng vắc xin mùa vụ cho lợn				144.000.000	
	Vắc xin Dịch tả lợn (mũi 1)	Con	30.000	2.900	87.000.000	
	Vắc xin Tụ huyết trùng lợn (mũi 2)	Con	30.000	1.900	57.000.000	
<b>D</b>	<b>KINH PHÍ NGƯỜI DÂN CHI TRẢ</b>				<b>914.210.000</b>	

Tổng kinh phí: 8.699.587.500 đồng. Trong đó:

- Kinh phí Trung ương hỗ trợ: 1.915.450.000 đồng;
- Kinh phí tỉnh: 1.440.060.500 đồng;
- Kinh phí cấp huyện: 4.429.867.000 đồng;
- Kinh phí người chăn nuôi tự chi trả: 914.210.000 đồng.